

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 05 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016	11 - 28



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Theo quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 10 tháng 09 năm 2015 và quyết định điều chỉnh số 76/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận, Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa. Ngày 29 tháng 04 năm 2016 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần và chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ: 27.532.800.000 đồng (hai mươi bảy tỷ năm trăm ba mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại : +84 (62) 3819 572

Fax : +84 (62) 3819 572

Mã số thuế : 3 4 0 0 8 6 1 7 2 1

3. Ngành nghề hoạt động

Trồng hoa cây cảnh; ươm giống cây lâm nghiệp; trồng cây lâu năm khác; khai thác đá, sỏi, đất sét; sửa chữa máy móc, thiết bị; sửa chữa thiết bị điện; thoát nước và xử lý nước thải, rác thải; thu gom rác thải không độc hại; thu gom rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; tái chế phế liệu; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình công ích; thi công lắp đặt đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp, thi công công trình điện chiếu sáng công cộng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: thi công công trình ngầm, công trình công viên sân vườn; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội, ngoại thất công trình); bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; cho thuê xe có động cơ, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

5/5
Y/C
ĐINH
TUẤN
HIỆP
3/5

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Mạnh	Chủ tịch	30/03/2016
Ông Mai Hữu Việt	Thành viên	30/03/2016
Bà Trà Thị Thành	Thành viên	30/03/2016
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	30/03/2016
Ông Lê Quang Huy	Thành viên	12/07/2016

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Giác	Trưởng ban	30/3/2016
Ông Nhâm Anh Tuấn	Thành viên	30/3/2016
Ông Nguyễn Gia Phước Toại	Thành viên	30/3/2016

4.3 Ban điều hành, quản lý

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Hữu Việt	Giám đốc	06/5/2016
Bà Trà Thị Thành	Phó Giám đốc	06/5/2016
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	06/5/2016

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Mạnh	Chủ tịch HĐQT	30/3/2016
Ông Mai Hữu Việt	Giám đốc	30/3/2016

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 28.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN MẠNH

Chủ tịch

Bình Thuận, ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Số: 2208/17/BCKT/AUD-VIETVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản chi phí phải trả ngắn hạn liên quan đến các khoản trích trước giá vốn chi phí công trình của các năm trước, với số tiền trích trước lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2016 là 28.539.435.332 đồng. Khoản trích trước này hiện tại kéo dài nhiều năm từ trước giai đoạn cổ phần hóa và chưa có hóa đơn, chứng từ đầy đủ làm cơ sở cho việc ghi nhận phải trả nhà cung cấp và cũng chưa xác định được nghĩa vụ phải trả cho các đối tượng nhà cung cấp nào. Do đó, chúng tôi cũng không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Bảng Cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Theo thuyết minh tại mục VII.8 Các thông tin khác đến thời điểm lập báo cáo này, công ty chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước, trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Công ty sẽ điều chỉnh ngay khi có quyết toán vốn Nhà nước trên Báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 04 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Rồng Việt. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính. Các ngoại trừ liên quan đến các vấn đề sau:

- Không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm ngày 30 tháng 04 năm 2016.
- Chưa lập dự phòng các khoản Nợ phải thu khách hàng, Tạm ứng cho nhân viên, Nợ phải thu khác.
- Điều chỉnh tăng giảm giá trị sổ sách theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp khi Công ty chưa thực hiện chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần theo quy định tại thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính.
- Chưa gửi đủ thư xác nhận về các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải trả người bán ngắn hạn, Người mua trả tiền trước ngắn hạn, Phải trả ngắn hạn khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



MU

Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		77.916.552.883	107.403.899.499
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	10.283.366.082	22.697.660.825
111	1. Tiền		7.068.366.082	22.697.660.825
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.215.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		66.813.238.215	83.507.815.897
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	39.053.364.221	55.574.546.194
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	370.136.640	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	27.389.737.354	27.933.269.703
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	811.617.989	984.131.175
141	1. Hàng tồn kho		811.617.989	984.131.175
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.330.597	214.291.602
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	-	214.291.602
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		8.330.597	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.621.743.481	15.569.247.482
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		8.899.732.282	10.242.314.232
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	8.899.732.282	10.242.314.232
222	- Nguyên giá		22.201.749.879	22.087.881.752
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.302.017.597)	(11.845.567.520)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.722.011.199	5.326.933.250
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	4.722.011.199	5.326.933.250
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		91.538.296.364	122.973.146.981

1/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Địa chỉ: 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đắc Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		62.424.513.381	95.440.346.981
310	I. Nợ ngắn hạn		62.419.513.381	95.435.346.981
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8	1.707.335.090	1.362.017.927
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9	484.305.703	484.305.703
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	4.237.055.151	7.748.324.835
314	4. Phải trả người lao động	V.11	19.063.645.711	14.663.865.887
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	29.724.561.547	27.001.709.996
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	3.726.350.102	40.457.756.556
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	3.476.260.077	3.717.366.077
330	II. Nợ dài hạn		5.000.000	5.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.15	5.000.000	5.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.16	29.113.782.983	27.532.800.000
410	I. Vốn chủ sở hữu		29.113.782.983	27.532.800.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		27.532.800.000	27.532.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		27.532.800.000	27.532.800.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.580.982.983	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.580.982.983	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		91.538.296.364	122.973.146.981

Người lập biểu

NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ THỊ THANH THỦY



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

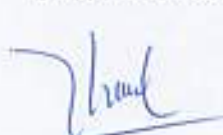
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	48.952.675.758	24.912.578.291
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.952.675.758	24.912.578.291
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	39.408.327.703	20.845.722.077
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.544.348.055	4.066.856.214
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		101.466.180	37.730.306
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.3	7.475.981.015	2.114.421.895
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.169.833.220	1.990.164.625
31	11. Thu nhập khác	VI.4	37.751.868	10.518.000
32	12. Chi phí khác	VI.5	187.585.088	12.043.825
40	13. Lợi nhuận khác		(149.833.220)	(1.525.825)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.020.000.000	1.988.638.800
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	439.017.017	398.036.525
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.580.982.983	1.590.602.275
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	574	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	574	-

Người lập biểu



NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH THỦY



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		41.435.546.306	24.981.555.958
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(14.253.119.276)	(8.518.708.171)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(19.006.731.733)	(15.003.601.538)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.653.525.798)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.463.060.047	10.518.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.354.185.897)	(2.051.078.445)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(12.368.956.351)</i>	<i>(581.314.196)</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(113.868.127)	(34.900.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		68.529.735	37.730.306
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(45.338.392)</i>	<i>2.830.306</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<i>(12.414.294.743)</i>	<i>(578.483.890)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		22.697.660.825	23.276.144.715
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	10.283.366.082	22.697.660.825

Người lập biểu



NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH THỦY

Bình Thuận, ngày 31 tháng 03 năm 2017



MAI HỮU VIỆT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thu gom, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải;
- Chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình công ích và dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng hoa cây cảnh; trồng giống cây lâm nghiệp; trồng cây lâu năm khác; khai thác đá, sỏi, đất sét; sửa chữa máy móc, thiết bị; sửa chữa thiết bị điện; thoát nước và xử lý nước thải, rác thải; thu gom rác thải không độc hại; thu gom rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; tái chế phế liệu; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình công ích; thi công lắp đặt đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp, thi công công trình điện chiếu sáng công cộng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: thi công công trình ngầm, công trình công viên sân vườn; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội, ngoại thất công trình); bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; cho thuê xe có động cơ, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu "Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016" là số liệu của 04 tháng nên không có tính so sánh với số liệu "Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016", là số liệu của 8 tháng trên Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ. Do đó số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.

Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 30 tháng 04 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết (giai đoạn Doanh nghiệp nhà nước) chuyển sang.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 426 nhân viên đang làm việc (Số đầu kỳ là 410 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

126
T
M
V
IV
HC

- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng (có thời hạn gốc không quá ba tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho của hoạt động xây lắp được tính theo phương pháp thực tế đích danh và các loại hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định lại theo biên bản xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm thay đổi loại hình doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 56 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Tài sản cố định khác	10

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Lương và các khoản phải trả cho người lao động

Quy lương của Công ty được lập theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: công ích, duy tu, bảo dưỡng chăm sóc công viên, trang trí Tết, Lễ hội

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
 - Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
 - Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của tài sản phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công ích, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính.

14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	76.592.167	182.923.139
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.991.773.915	22.514.737.686
Các khoản tương đương tiền (*)	3.215.000.000	-
Cộng	<u>10.283.366.082</u>	<u>22.697.660.825</u>

(*) là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	39.053.364.221	55.574.546.194
- Phòng tài chính kế hoạch Tp. Phan Thiết	32.407.936.054	51.787.609.719
- UBND xã Hàm Thạnh	3.369.869.902	446.358.991
- Phòng quản lý đô thị Tp. Phan Thiết	192.602.470	418.329.033
- Các đối tượng khác	3.082.955.795	2.922.248.451
Cộng	<u>39.053.364.221</u>	<u>55.574.546.194</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Là khoản tiền ứng trước cho Công ty TNHH Xây dựng Thiên Phát.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	27.389.737.354	-	27.933.269.703	-
- Tạm ứng ⁽¹⁾	26.375.847.471	-	26.605.549.547	-
- Các đối tượng khác ⁽²⁾	1.013.889.883	-	1.327.720.156	-
Cộng	<u>27.389.737.354</u>	<u>-</u>	<u>27.933.269.703</u>	<u>-</u>

(1) Là các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên, chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Nguyễn Thành Nhiên	19.546.133.625	19.546.133.625
- Cao Hồng Sơn	4.385.454.818	4.465.508.818
- Phạm Hữu Chương	932.969.335	932.969.335
- Đỗ Văn Sơn	515.597.001	515.597.001
- Nguyễn Anh Khoa	472.512.237	514.618.000
- Hoàng Xuân Phan	192.442.698	192.442.698
- Trịnh Xuân Hải	90.000.000	90.000.000
- Các đối tượng khác	240.737.757	348.280.070
Cộng	<u>26.375.847.471</u>	<u>26.605.549.547</u>

(2) Là các khoản phải thu khác, chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Chi phí lương trang trí Tết	520.286.594	632.634.061
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Kiến Phát	100.338.000	100.338.000
- Các đối tượng khác	393.265.289	594.748.095
Cộng	<u>1.013.889.883</u>	<u>1.327.720.156</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	753.793.989	-	919.592.678	-
- Công cụ, dụng cụ	57.824.000	-	44.000.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	20.538.497	-
Cộng	<u>811.617.989</u>		<u>984.131.175</u>	

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6.a Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	214.291.602
Cộng	<u>-</u>	<u>214.291.602</u>

Tình hình biến động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Số đầu kỳ	334.609.500	296.912.970
- Tăng trong kỳ	26.054.549	168.905.909
- Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(288.473.311)	(131.209.379)
- Số cuối kỳ	<u>72.190.738</u>	<u>334.609.500</u>

6.b Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Giá trị lợi thế thương mại	4.462.813.159	5.206.615.352
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	259.198.040	120.317.898
Cộng	<u>4.722.011.199</u>	<u>5.326.933.250</u>

Tình hình biến động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Số đầu kỳ	5.206.615.352	5.206.615.352
- Tăng trong kỳ	238.905.454	-
- Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(795.700.345)	-
- Số cuối kỳ	<u>4.649.820.461</u>	<u>5.206.615.352</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	6.031.897.048	120.069.000	15.824.379.340	111.536.364	22.087.881.752
Tăng trong năm	113.868.127	-	-	-	113.868.127
- Mua trong năm	113.868.127	-	-	-	113.868.127
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	6.145.765.175	120.069.000	15.824.379.340	111.536.364	22.201.749.879
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	105.000.000	-	105.000.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	2.597.307.820	20.911.577	9.178.086.230	49.261.893	11.845.567.520
Khấu hao trong năm	384.122.207	13.433.489	1.051.458.623	7.435.758	1.456.450.077
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.981.430.027	34.345.066	10.229.544.853	56.697.651	13.302.017.597
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	3.434.589.228	99.157.423	6.646.293.110	62.274.471	10.242.314.232
Số cuối năm	3.164.335.148	85.723.934	5.594.834.487	54.838.713	8.899.732.282

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.707.335.090	1.707.335.090		
- Cơ sở Hoa Kiêng Xuân Quảng	474.300.000	474.300.000	-	-
- Công ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu Khí Bình Thuận	204.644.000	204.644.000	-	-
- Nguyễn Văn Hùng (Gara xe Văn Hùng)	175.713.000	175.713.000	-	-
- Công ty TNHH Điện tử Viễn thông Ánh Sáng Việt	156.475.000	156.475.000	441.243.000	441.243.000
- Cửa hàng điện Gia Dụng Trung Nghĩa	129.700.000	129.700.000	-	-
- Cửa hàng phụ tùng ô tô Bình Trâm	129.545.000	129.545.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	436.958.090	436.958.090	920.774.927	920.774.927
Cộng	1.707.335.090	1.707.335.090	1.362.017.927	1.362.017.927

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	484.305.703	484.305.703
- Phòng tài chính kế hoạch Tp. Phan Thiết	484.305.703	484.305.703
Cộng	484.305.703	484.305.703

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	6.244.103.502	-	2.877.542.793	(5.202.563.040)	3.919.083.255	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.365.855.708	-	439.017.017	(1.653.525.798)	151.346.927	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	48.213.833	(19.954.489)	28.259.344	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	146.669.403	(155.000.000)	-	8.330.597
- Các loại thuế khác	138.365.625	-	-	-	138.365.625	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	175.083.764	(175.083.764)	-	-
Cộng	7.748.324.835	-	3.686.526.810	(7.206.127.091)	4.237.055.151	8.330.597

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.020.000.000	1.988.638.800
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	175.085.088	1.543.825
+ Chi phí không được trừ	175.085.088	1.543.825
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.195.085.088	1.990.182.625
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20,00%	20,00%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	439.017.017	398.036.525

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

(*) Chi tiết các công trình gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Nhà làm việc UBND xã Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam	3.821.242.226	1.296.391.894
- Đường giao thông Km 18 QL 1A Đức Khai đến nhà ông Hồ Văn Cảnh thôn Phú Sung, xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam	2.517.217.458	2.517.217.458
- Đường GTNT Bà Vườn Giếng Dầu Thôn Dân Thuận		
- Xã Hàm Thạnh - Huyện Hàm Thuận Nam	1.968.755.483	1.968.755.483
- Công trình Khu tái định cư Đông Xuân An	1.709.666.851	1.709.666.851
- Công trình "Xã hội hóa chăm sóc cây xanh trên địa bàn phường Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hải, phường Long xã Vĩnh Lương, Phước Đồng "thành phố Nha Trang giai đoạn 2013-2016"	1.473.377.455	1.473.377.455
- Công trình XD gói thầu trồng cây xanh KCN Đặc Lộ	1.433.790.091	1.433.790.091
- Công trình xây mới 02 phòng học Mẫu giáo (gần UBND xã Mương Mán)	1.318.470.455	1.318.470.455
- Các công trình khác	12.744.322.412	12.748.462.412
Cộng	<u>26.986.842.431</u>	<u>24.466.132.099</u>

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.726.350.102	40.457.756.556
- Ngân sách tỉnh	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công trình nhà để xe công ty	1.524.348.000	1.524.348.000
- Phòng tài chính - Kế hoạch Tp. Phan Thiết	562.009.663	27.833.791.328
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	639.992.439	10.099.617.228
Cộng	<u>3.726.350.102</u>	<u>40.457.756.556</u>

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Trích lập quỹ khen thưởng</u>	<u>Trích lập quỹ phúc lợi</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.717.366.077	-	-	(241.106.000)	3.476.260.077
Cộng	<u>3.717.366.077</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(241.106.000)</u>	<u>3.476.260.077</u>

15. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đắc Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

16. Vốn chủ sở hữu**16.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu kỳ này	27.532.800.000	-	-	27.532.800.000
2. Tăng trong kỳ này	-	-	1.580.982.983	1.580.982.983
- Lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	1.580.982.983	1.580.982.983
3. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm nay	27.532.800.000	-	1.580.982.983	29.113.782.983

16.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Vốn góp của Nhà nước	14.584.000.000	52,97%	14.584.000.000	52,97%
- Vốn góp của các tổ chức	5.108.500.000	18,55%	5.108.500.000	18,55%
- Vốn góp của đối tượng bên ngoài khác	4.436.300.000	16,11%	4.436.300.000	16,11%
- Vốn góp của cán bộ công nhân viên	3.404.000.000	12,36%	3.404.000.000	12,36%
Cộng	27.532.800.000	100%	27.532.800.000	100%

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	27.532.800.000	27.532.800.000	-
Cộng	27.532.800.000	27.532.800.000	-

16.c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.532.800.000	27.532.800.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.532.800.000	27.532.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm trích	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

16.d Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu phổ thông	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là <i>Vốn chủ sở hữu</i>)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu phổ thông	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Nợ khó đòi xử lý giai đoạn nhà nước	133.043.298	133.043.298	
UBND Phường Phú Trinh	4.771.000	4.771.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Nguyễn Văn Tâm (bãi cát)	543.640	543.640	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Ban QLDA TP Phan Thiết	996.514	996.514	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Lương Văn Dương	2.500.000	2.500.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Huỳnh Minh Thắng	2.500.000	2.500.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Nguyễn Xuân Thành	1.000.000	1.000.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Nguyễn Huy Hoàng	16.000.000	16.000.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Nguyễn Minh Tùng	2.500.000	2.500.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Nguyễn Văn Tâm	4.800.000	4.800.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Viện Môi trường và Tài nguyên (Thiết kế xử lý rác)	63.600.000	63.600.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
UBND Phường Mũi Né (Điện Mũi Né)	3.832.144	3.832.144	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Võ Văn Nhâm	30.000.000	30.000.000	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Nợ khó đòi đã xử lý giai đoạn cổ phần	33.810.000	-	
Nguyễn Thị Thanh Phương	33.810.000	-	Công nợ không còn khả năng thu hồi
Cộng	166.853.298	133.043.298	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VNĐ)

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
- Dịch vụ công ích	41.873.258.598	20.698.108.918
- Duy tu, bảo dưỡng chăm sóc công viên	3.114.074.997	1.032.541.624
- Doanh thu xây dựng cơ bản	2.622.919.720	671.561.565
- Hoạt động ngoài công ích	860.853.572	372.015.534
- Trang trí Tết, Lễ hội	481.568.871	2.138.350.650
Cộng	48.952.675.758	24.912.578.291

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
- Dịch vụ công ích	33.544.142.329	16.910.196.475
- Duy tu, bảo dưỡng chăm sóc công viên	2.579.218.807	1.093.187.945
- Doanh thu xây dựng cơ bản	2.533.941.241	631.838.438
- Hoạt động ngoài công ích	287.881.887	115.328.084
- Trang trí Tết, Lễ hội	463.143.439	2.095.171.135
Cộng	39.408.327.703	20.845.722.077

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
- Chi phí cho nhân viên	5.997.202.521	1.363.282.116
- Chi phí đồ dùng văn phòng	244.926.089	104.049.237
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	384.122.207	214.652.968
- Thuế, phí và lệ phí	146.669.403	2.000.000
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	33.810.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.186.846	28.491.859
- Các khoản chi phí khác	642.063.949	401.945.715
Cộng	7.475.981.015	2.114.421.895

4. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
- Hoa hồng phối hợp thu nợ vay ngân hàng	-	10.518.000
- Phế liệu thu hồi	27.400.000	-
- Các khoản khác	10.351.868	-
Cộng	37.751.868	10.518.000

HẠP VÀ T

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

5. Chi phí khác

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
- Phạt chậm nộp thuế	175.083.764	-
- Các khoản khác	12.501.324	12.043.825
Cộng	187.585.088	12.043.825

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.580.982.983	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.580.982.983	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	2.753.280	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	574	-

7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.580.982.983	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.580.982.983	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	2.753.280	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	574	-

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.576.398.436	3.297.926.700
- Chi phí nhân công	29.687.422.547	14.152.984.107
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.443.016.588	723.110.491
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.463.482.159	3.860.261.434
- Chi phí khác bằng tiền	1.663.472.916	915.718.381
Cộng	46.833.792.646	22.950.001.113

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016
Lương	1.050.240.000	438.000.000
Thù lao	147.200.000	46.800.000
Cổ tức	208.828.400	-
Cộng	1.406.268.400	484.800.000

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thi công công trình.
- Dịch vụ công ích.

Từ ngày 01/05/2016 đến 31/12/2016	Doanh thu	Giá vốn	Cộng
- Dịch vụ công ích	41.873.258.598	33.544.142.329	8.329.116.269
- Duy tu, bảo dưỡng chăm sóc công viên	3.114.074.997	2.579.218.807	534.856.190
- Doanh thu xây dựng cơ bản	2.622.919.720	2.533.941.241	88.978.479
- Hoạt động ngoài công ích	860.853.572	287.881.887	572.971.685
- Trang trí Tết, Lễ hội	481.568.871	463.143.439	18.425.432
Tổng cộng	48.952.675.758	39.408.327.703	9.544.348.055
Từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016	Doanh thu	Giá vốn	Cộng
- Dịch vụ công ích	20.698.108.918	16.910.196.475	37.608.305.393
- Duy tu, bảo dưỡng chăm sóc công viên	1.032.541.624	1.093.187.945	(60.646.321)
- Doanh thu xây dựng cơ bản	671.561.565	631.838.438	39.723.127
- Hoạt động ngoài công ích	372.015.534	115.328.084	256.687.450
- Trang trí Tết, Lễ hội	2.138.350.650	2.095.171.135	43.179.515
Tổng cộng	24.912.578.291	20.845.722.077	3.744.732.928

Khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Kết quả kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/04/2016 được trình bày lại cho phù hợp với bản chất của nghiệp vụ

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả kinh doanh				
- Chi phí tài chính	22	6.225.359	(6.225.359)	-
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	-	6.225.359	6.225.359

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối năm tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Các thông tin khác

Đến thời điểm lập báo cáo này, công ty chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước, trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Công ty sẽ điều chỉnh ngay khi có quyết toán vốn Nhà nước trên Báo cáo tài chính.

Bình Thuận, ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Người lập biểu

NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ THỊ THANH THỦY

Giám đốc



MAI HỮU VIỆT



2208/17/BCKT/AUD-VVALUES